

Bản án số 06/2023/DS-ST

Ngày 17.3.2023

V/v tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch
vụ thanh toán qua tài khoản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Phước Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: 266-268 N, phường V, quận 3, thành phố .Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Đăng H - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ; địa chỉ: 130A-130-132 B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (Theo Quyết định v/v uỷ quyền ký hợp đồng/thảo thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3161/2021/QĐ-PL ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Giấy uỷ quyền số 90/2022/UQ-CNĐN ngày 25 tháng 7 năm 2022), (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tú Q - sinh năm: 1990; nơi cư trú: 340/03 N, phường H, quận L, TP Đà Nẵng, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 10 năm 2022, tại Bản tự khai ngày 11 tháng 10 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (- Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng S)) trình bày:

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, bà Nguyễn Thị Tú Q ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Chi nhánh Ngân hàng S tại thành phố Đà Nẵng và được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,50%/tháng và lãi suất quá hạn 3,75%/tháng (2.50%/tháng x 150%) được tính theo Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Q đã thực hiện 12 giao dịch với tổng số tiền 27.459.900 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn chín trăm đồng) và đã thanh toán cho Ngân hàng được 14 lần với số tiền 17.935.433 đồng (Mười bảy triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi ba đồng), trong đó: Phí trễ hạn 960.596 đồng, lãi 8.586.310 đồng, phí vượt hạn mức 300.000 đồng, phí khác 2.166.000 đồng và gốc 5.922.736 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân).

Do bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng nên ngày 23 tháng 3 năm 2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Q và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Q thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 25 tháng 7 năm 2022 là 26.687.547 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng), bao gồm: Nợ gốc 22.957.047 đồng, lãi trong hạn 2.487.000 đồng và lãi quá hạn 1.243.500 đồng; buộc bà Q tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Q trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử (- Ngày 17 tháng 3 năm 2023) là: 33.671.043 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn không trăm bốn mươi ba đồng), bao gồm: Nợ gốc 22.957.047 đồng, lãi trong hạn 7.142.664 đồng và lãi quá hạn 3.571.332 đồng; buộc bà Q tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 18 tháng 3 năm 2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án, bà Q không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải.

Xác minh tại Công an phường Hoà Khánh Bắc, quận Liên Chiểu thể hiện: Bà Nguyễn Thị Tú Q có đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại 340/03 Nguyễn Lương Bằng. Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng thông qua người thân thích và tiến hành niêm yết, do bà Q thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Tại phiên tòa, bà Q vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng

dân sự; việc thụ lý vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, đảm bảo các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ. Việc hỏi, tranh luận được tiến hành khách quan, đúng trình tự theo quy định tại Mục 3 Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ 33.671.043 đồng kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2023 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn - bà Nguyễn Thị Tú Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Q không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, bà Nguyễn Thị Tú Q có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Chi nhánh Ngân hàng S tại thành phố Đà Nẵng với hạn mức thẻ tín dụng được cấp là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phí thực hiện theo Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Hợp đồng được kí kết theo sự tự nguyện của các bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng.

Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng đã ký giữa Chi nhánh Ngân hàng S tại thành phố Đà Nẵng bà Nguyễn Thị Tú Q là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch, xác định bà Nguyễn Thị Tú Q nợ của Ngân hàng số tiền 33.671.043 đồng (*Ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn không trăm bốn mươi ba đồng*), bao gồm: Nợ gốc 22.957.047 đồng, lãi trong hạn 7.142.664 đồng và lãi quá hạn 3.571.332 đồng.

Đến nay, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2, Điều 18, Điều 19 và Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S. Do bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định tại Điều 280

Bộ luật Dân sự và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản được quy định tại khoản 15 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc bà Q phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 22.957.047 đồng, lãi trong hạn 7.142.664 đồng và lãi quá hạn 3.571.332 đồng (*Tính đến ngày 17 tháng 3 năm 2023*), tổng cộng 33.671.043 đồng (*Ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn không trăm bốn mươi ba đồng*) là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 18 tháng 3 năm 2023 theo mức lãi suất do Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng và bà Q đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 15 tháng 7 năm 2020, Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $33.671.043 \text{ đồng} \times 5\% = 1.683.552 \text{ đồng}$ (*Một triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn năm trăm năm mươi hai đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 280 và 351 Bộ luật Dân sự; khoản 15 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Tú Q về việc “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản” .

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Tú Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 22.957.047 đồng, lãi trong hạn 7.142.664 đồng và lãi quá hạn 3.571.332 đồng (*Tính đến ngày 17 tháng 3 năm 2023*), tổng cộng 33.671.043 đồng (*Ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn không trăm bốn mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.683.552 đồng (*Một triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn năm trăm năm mươi hai đồng*) bà Nguyễn Thị Tú Q phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án 667.189 đồng (*Sáu trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm tám mươi chín đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005466 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy